

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP PHẦN MỀM**

Số: 88/2024/HĐKT/ĐNA-129

V/v Cung cấp Phần mềm quản lý trường đại học

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự năm 2015 của Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ vào Luật thương mại năm 2005 của Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ thư báo giá ngày tháng năm 2024 của Công ty cổ phần Tư vấn và Giải pháp Công nghệ Đông Nam Á;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày tháng năm 2024, chúng tôi ký tên dưới đây gồm có:

**Bên A: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 129 - BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ**

Địa chỉ : Số 51, phố Quan Nhân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024.35569083

Mã số thuế : 0100110711

Tài khoản số : 1022057371 Tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Đại diện là : Ông Phạm Mạnh Tuấn - Chức vụ: Giám đốc

**Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ ĐÔNG NAM Á**

Địa chỉ : Số 5 ngách 1/2 Trần Quốc Hoàn, tổ 11, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 098.167.5335

Mã số thuế : 0106416103

Tài khoản số : 1731000287083 - Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội

Đại diện là : Ông Trần Duy Tuấn - Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa theo các điều khoản sau:

**Điều 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC**

1. Bên B nhận cung cấp cho Người dùng cuối (End-user) của Bên A “Phần mềm quản lý trường đại học” được gọi tắt dưới đây là phần mềm với các tính năng được nêu chi tiết tại điều 4.

- Thời hạn bản quyền sử dụng: Không thời hạn

- Xuất xứ phần mềm: Việt Nam.

2. Việc triển khai **phần mềm** được tiến hành tại Người dùng cuối (End-user):

- Trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch;

- Địa chỉ: Số 2 Dương Quang Trung, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

được gọi tắt dưới đây là Người dùng cuối (End-user).

## **Điều 2: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A**

### **1. Quyền của bên A**

- Yêu cầu Bên B cung cấp hàng hóa đảm bảo tiến độ, quy cách, chất lượng theo đúng quy định của Hợp đồng.

- Có quyền sử dụng đối với phần mềm kể từ thời điểm hai Bên ký biên bản bàn giao và nghiệm thu phần mềm và Bên A đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho Bên B theo quy định của Hợp đồng.

- Khi có yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật, Bên A được quyền yêu cầu và Bên B và bên B có trách nhiệm cung cấp các hồ sơ, tài liệu để chứng minh việc cung cấp hàng hoá của Bên B là phù hợp quy định của pháp luật.

### **2. Nghĩa vụ bên A**

- Bên A cung cấp cho Bên B đầy đủ các thông tin, tài liệu về chức năng, quy trình nghiệp vụ và tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B thực hiện công việc của mình trong phạm vi Hợp đồng.

- Bên A đảm bảo điều kiện vật chất tại địa điểm triển khai bao gồm: máy trạm, máy chủ, phần mềm hệ thống, mạng LAN ..., và đảm bảo cung cấp đầy đủ số liệu đầu vào để hệ thống có thể triển khai có hiệu quả.

- Bên A phối hợp với Bên B trong việc tổ chức đào tạo, chuyển giao và tiến hành nghiệm thu kỹ thuật hệ thống.

- Có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu **phần mềm** khi có yêu cầu từ phía Bên B và hai bên đã ký biên bản nghiệm thu phần mềm và đưa vào sử dụng.

- Thanh toán đầy đủ giá trị hợp đồng cho Bên B theo điều 4 của hợp đồng này.

- Chịu phạt và bồi thường cho bên B những thiệt hại thực tế và trực tiếp phát sinh theo quy định của Hợp đồng.

- Tuân thủ các quy định về bảo hộ quyền tác giả và quyền sở hữu trí tuệ đối với Phần mềm được cài đặt, không sao chép Phần mềm dưới mọi hình thức trừ trường hợp được sự đồng ý của Bên B.

## **Điều 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B**

### **1. Quyền của bên B**

- Yêu cầu Bên A thanh toán theo đúng quy định của Hợp đồng.

- Yêu cầu Bên A tạo mọi điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện Hợp đồng, đảm bảo kho bãi, địa điểm, nhân sự để tiếp nhận và nghiệm thu hàng hóa.

## 2. Nghĩa vụ của bên B

- Thực hiện hợp đồng đúng thời hạn quy định. Đảm bảo sản phẩm được bàn giao là sản phẩm luôn trong trạng thái hoạt động bình thường, ổn định, chất lượng, hoạt động liên tục trong suốt quá trình sử dụng phần mềm (trừ trường hợp các lỗi phát sinh không liên quan sản phẩm tại điều 1 và trường hợp bất khả kháng theo quy định của hợp đồng) và đồng thời có phương án khắc phục tại chỗ các sự cố bất thường do lỗi chương trình gây ra.

- Bàn giao toàn bộ chương trình cài đặt phần mềm cho bên A và End-User. Thực hiện cài đặt, triển khai phần mềm, hướng dẫn cài đặt, đào tạo.

- Có trách nhiệm tiếp nhận và tiến hành xử lý sự cố hệ thống cho End-User chậm nhất trong vòng 24h khi có thông báo trong thời gian bảo hành.

- Cung cấp tài liệu hướng dẫn cho bên A và End-User.

- Chịu phạt và bồi thường cho Bên A những thiệt hại thực tế và trực tiếp phát sinh theo quy định của Hợp đồng.

- Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lệ của hàng hóa mà Bên B cung cấp cho Bên Mua theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Bên B cam đoan và bảo đảm rằng Bên B có đầy đủ đầy đủ năng lực, giấy phép, quyền hạn, thẩm quyền, sự chấp thuận cần thiết, tuân thủ đúng các trách nhiệm để thực hiện Hợp đồng và các hoạt động liên quan đến Hợp đồng theo quy định của pháp luật như quyền sở hữu của Bên A đối với hàng hóa sau khi mua bán không bị tranh chấp bởi bên thứ ba, hàng hóa và việc chuyển giao hàng hóa cho Bên A phải hợp pháp, hàng hóa bảo đảm mục đích sử dụng cho Bên A.

- Báo trước cho Bên A ít nhất 3 ngày lịch nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

## Điều 4: GIÁ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Giá hợp đồng : 11.949.413.420 đồng (Bằng chữ: Mười một tỷ chín trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm mười ba nghìn, bốn trăm hai mươi đồng./.)

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	SL	Đơn giá (VND)	VAT	Thành tiền (VND)
A	PHẦN MỀM QUẢN LÝ TRƯỜNG ĐẠI HỌC	Hệ thống	1	11.949.413.420	-	11.949.413.420
I	Phân hệ quản lý điều hành	Phân hệ	1	2.941.264.200	-	2.941.264.200
1	Quản trị hệ thống	module	1	192.513.160		192.513.160
2	Quản lý danh mục dùng chung	module	1	144.361.840		144.361.840
3	Trang/công thông tin điện tử	module	1	481.205.480		481.205.480

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	SL	Đơn giá (VND)	VAT	Thành tiền (VND)
4	Quản lý tài chính – kế toán	module	1	288.723.680		288.723.680
5	Quản lý nhân sự	module	1	240.602.740		240.602.740
6	Quản lý tài sản, vật tư, trang thiết bị	module	1	288.723.680		288.723.680
7	Quản lý văn bản	module	1	192.481.800		192.481.800
8	Hệ thống thư điện tử nội bộ	module	1	96.240.900		96.240.900
9	Quản lý hợp tác quốc tế	module	1	144.361.840		144.361.840
10	Quản lý công việc	module	1	96.240.900		96.240.900
11	Quản lý ký túc xá	module	1	96.240.900		96.240.900
12	Quản lý định danh và đăng nhập 1 lần (SSO)	module	1	192.481.800		192.481.800
13	Trực liên thông	module	1	144.361.840		144.361.840
14	Quản lý minh chứng trong đảm bảo chất lượng	module	1	144.361.840		144.361.840
15	Hệ thống báo cáo, phân tích dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định	module	1	198.361.800		198.361.800
<b>II</b>	<b>Phân hệ quản lý tuyển sinh</b>	<b>Phân hệ</b>	<b>1</b>	<b>769.928.180</b>	<b>-</b>	<b>769.928.180</b>
16	Cổng thông tin tuyển sinh	module	1	288.723.680		288.723.680
17	Quản lý thông tin tuyển sinh (đào tạo cấp chứng chỉ, trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học)	module	1	192.481.800		192.481.800
18	Hệ thống tuyển sinh trực tuyến (đào tạo cấp chứng chỉ, trung cấp, cao đẳng, đại học, sau đại học)	module	1	96.240.900		96.240.900
19	Dịch vụ trực tuyến các thủ tục tuyển sinh, nhập học	module	1	96.240.900		96.240.900
20	Quản lý, khai thác dữ liệu và hỗ trợ tuyển sinh	module	1	96.240.900		96.240.900
<b>III</b>	<b>Phân hệ quản lý đào tạo</b>	<b>Phân hệ</b>	<b>1</b>	<b>3.609.041.100</b>	<b>-</b>	<b>3.609.041.100</b>

T	Danh mục hàng hóa	ĐVT	SL	Đơn giá (VND)	VAT	Thành tiền (VND)
1	Cổng thông tin người học	module	1	192.481.800		192.481.800
2	Quản lý hồ sơ người học	module	1	192.481.800		192.481.800
3	Quản lý chương trình đào tạo	module	1	144.361.840		144.361.840
24	Quản lý kết quả học tập	module	1	144.361.840		144.361.840
25	Quản lý khen thưởng và kỷ luật	module	1	144.361.840		144.361.840
26	Quản lý tài chính người học	module	1	144.361.840		144.361.840
27	Quản lý tốt nghiệp, văn bằng, chứng chỉ	module	1	144.361.840		144.361.840
28	Quản lý kế hoạch đào tạo	module	1	144.361.840		144.361.840
29	Quản lý thời khoá biểu	module	1	144.361.840		144.361.840
30	Quản lý lịch giảng của giảng viên	module	1	96.240.900		96.240.900
31	Quản lý thông tin cựu sinh viên, học viên	module	1	96.240.900		96.240.900
32	Thống kê giờ giảng và chi trả	module	1	144.361.840		144.361.840
33	Thanh toán học phí điện tử	module	1	288.723.680		288.723.680
34	Các ứng dụng di động để liên lạc điện tử giữa nhà trường, phụ huynh và người học	module	1	288.723.680		288.723.680
35	Thi trực tuyến	module	1	192.481.800		192.481.800
36	Hệ thống đào tạo mô phỏng	module	1	192.481.800		192.481.800
37	Hệ thống hỗ trợ giảng viên xây dựng học liệu điện tử	module	1	192.481.800		192.481.800
38	Dịch vụ trực tuyến các thủ tục trong quá trình học tập tại trường	module	1	192.481.800		192.481.800
39	Dịch vụ trực tuyến các thủ tục sau khi tốt nghiệp	module	1	144.361.840		144.361.840
40	Hệ thống chống đạo văn	module	1	144.361.840		144.361.840
41	Điểm danh thông minh	module	1	96.240.900		96.240.900
42	Lớp học thông minh	module	1	144.361.840		144.361.840
IV	Phân hệ quản lý đào tạo trực	Phân	1	1.876.700.000	-	1.876.700.000

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	SL	Đơn giá (VND)	VAT	Thành tiền (VND)
	<b>tuyển</b>	<b>hệ</b>				
43	Quản lý kế hoạch đào tạo trực tuyến	module	1	192.481.800		192.481.800
44	Quản lý thời khóa biểu	module	1	96.240.900		96.240.900
45	Quản lý lịch giảng	module	1	96.240.900		96.240.900
46	Quản lý người học	module	1	96.240.900		96.240.900
47	Quản lý khoá học	module	1	96.240.900		96.240.900
48	Quản lý lớp học	module	1	96.240.900		96.240.900
49	Quản lý bài học	module	1	96.240.900		96.240.900
50	Quản lý điểm	module	1	144.361.840		144.361.840
51	Quản lý hội thảo/chuyên đề đào tạo trực tuyến	module	1	144.361.840		144.361.840
52	Quản lý thư viện đào tạo trực tuyến	module	1	144.361.840		144.361.840
53	Ứng dụng (app) đào tạo trực tuyến trên thiết bị di động	module	1	288.723.680		288.723.680
54	Thi trực tuyến	module	1	192.481.800		192.481.800
55	Quản lý studio	module	1	96.240.900		96.240.900
56	Tích hợp với các phần mềm dạy học trực tuyến	module	1	96.240.900		96.240.900
<b>V</b>	<b>Phân hệ quản lý nghiên cứu khoa học và tạp chí</b>	<b>Phân hệ</b>	<b>1</b>	<b>818.041.280</b>	<b>-</b>	<b>818.041.280</b>
57	Quản lý đề xuất đề tài	module	1	48.119.960		48.119.960
58	Quản lý đăng ký, xét duyệt, phê duyệt đề tài	module	1	96.240.900		96.240.900
59	Quản lý kế hoạch nghiên cứu khoa học	module	1	96.240.900		96.240.900
60	Quản lý thông tin đề tài nghiên cứu khoa học theo các cấp	module	1	48.119.960		48.119.960
61	Quản lý lý lịch khoa học	module	1	48.119.960		48.119.960

T	Danh mục hàng hóa	ĐVT	SL	Đơn giá (VND)	VAT	Thành tiền (VND)
2	Quản lý sinh hoạt khoa học	module	1	48.119.960		48.119.960
3	Quản lý hội nghị, hội thảo khoa học	module	1	48.119.960		48.119.960
64	Quản lý giải thưởng nghiên cứu khoa học	module	1	48.119.960		48.119.960
65	Quản lý sáng chế	module	1	48.119.960		48.119.960
66	Quản lý tạp chí	module	1	48.119.960		48.119.960
67	Quản lý quá trình thực hiện đề tài	module	1	48.119.960		48.119.960
68	Quản lý tài chính đề tài	module	1	48.119.960		48.119.960
69	Quản lý các công bố khoa học	module	1	48.119.960		48.119.960
70	Quản lý chuyên giao kết quả nghiên cứu	module	1	48.119.960		48.119.960
71	Kết nối thông tin khoa học với các tổ chức ngoài trường	module	1	48.119.960		48.119.960
<b>VI</b>	<b>Phân hệ quản lý thư viện</b>	<b>Phân hệ</b>	<b>1</b>	<b>1.058.649.900</b>	<b>-</b>	<b>1.058.649.900</b>
72	Quản lý bạn đọc	module	1	96.240.900		96.240.900
73	Quản lý đầu sách, báo, tạp chí	module	1	96.240.900		96.240.900
74	Quản lý đề tài, luận văn, luận án	module	1	96.240.900		96.240.900
75	Tra cứu thông tin tài liệu	module	1	96.240.900		96.240.900
76	Biên mục tài liệu	module	1	96.240.900		96.240.900
77	Dịch vụ trực tuyến các thủ tục liên quan tới thư viện	module	1	96.240.900		96.240.900
78	Quản lý quá trình lưu thông tài liệu	module	1	96.240.900		96.240.900
79	Quản lý liên thư viện	module	1	96.240.900		96.240.900
80	Quản lý tài liệu số	module	1	96.240.900		96.240.900
81	Hệ thống mượn, trả tài liệu trực tuyến	module	1	96.240.900		96.240.900
82	Tra cứu OPAC	module	1	96.240.900		96.240.900

	Danh mục hàng hóa	ĐVT	SL	Đơn giá (VND)	VAT	Thành tiền (VND)
I	<b>Phân hệ quản lý cơ sở thực hành - thực tập</b>	<b>Phân hệ</b>	<b>1</b>	<b>875.788.760</b>	<b>-</b>	<b>875.788.760</b>
3	Quản lý thông tin các cơ sở thực hành - thực tập	module	1	12.5112.680		12.5112.680
34	Quản lý hợp đồng đào tạo thực hành - thực tập	module	1	12.5112.680		12.5112.680
85	Quản lý kế hoạch thực hành - thực tập	module	1	12.5112.680		12.5112.680
86	Quản lý sinh viên thực hành - thực tập	module	1	12.5112.680		12.5112.680
87	Quản lý kết quả thực hành - thực tập	module	1	12.5112.680		12.5112.680
88	Quản lý quá trình thực hành - thực tập	module	1	12.5112.680		12.5112.680
89	Chia sẻ dữ liệu quản lý đào tạo với cơ sở thực hành - thực tập	module	1	12.5112.680		12.5112.680

- Giá trị Hợp đồng trên là giá trọn gói, đã bao gồm tất cả các chi phí cho việc thực hiện hoàn chỉnh sản phẩm phần mềm theo quy định tại bảng trên, nhằm đảm bảo chất lượng, yêu cầu kỹ thuật và các chi phí vận chuyển, cài đặt sản phẩm, đào tạo và hướng dẫn sử dụng, hỗ trợ kỹ thuật tại địa điểm của Người dùng cuối (End-user)

- Phần mềm và các dịch vụ kèm theo phần mềm là đối tượng không chịu thuế GTGT.

## 2. Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán giá trị hợp đồng cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản bên B theo hai đợt:

Đợt 1: Bên A tạm ứng cho Bên B là 30% trên tổng giá trị hợp đồng tương đương với số tiền **3.584.824.026 đồng** (Bằng chữ: Ba tỷ, năm trăm tám mươi tư triệu, tám trăm hai mươi tư nghìn, không trăm hai mươi sáu đồng./.) ngay sau khi hợp đồng được ký kết.

Trước khi chuyển tiền tạm ứng Bên B phải cung cấp cho Bên A một chứng thư bảo lãnh tiền tạm ứng, cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang trong mọi trường hợp cho Bên A với giá trị tương ứng với số tiền Bên A tạm ứng, do một ngân hàng hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam phát hành được bên A chấp thuận. Bảo lãnh có hiệu lực kể từ ngày Bên B nhận được toàn bộ khoản tiền tạm ứng theo hợp đồng về tài khoản của Bên B mở tại Ngân hàng TMCP An Bình – CN Hà Nội cho đến khi hai bên ký biên bản nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hoặc Bên A thu hồi hết tiền tạm ứng, tùy điều kiện nào đến trước.

Số tiền tạm ứng được thu hồi bằng cách giảm trừ theo tỷ lệ tương ứng trong các lần thanh toán và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị nghiệm thu hoàn thành đạt 80% giá trị Hợp



đồng đã ký.

Hồ sơ tạm ứng bao gồm:

- + Văn bản đề nghị tạm ứng (01 bộ gốc);
- + Chứng thư Bảo lãnh tạm ứng (01 bản gốc).

Đợt 2: Bên A thanh toán cho Bên B là 100% trên giá trị nghiệm thu thực tế (sau khi khấu trừ số tiền tạm ứng **3.584.824.026 đồng**) trong vòng 30 ngày làm việc sau khi hai bên tiến hành nghiệm thu, bàn giao và Bên B cung cấp hóa đơn tài chính, bảo lãnh bảo hành cho Bên A và bên A nhận đủ số tiền thanh toán từ **End-user**.

#### **Điều 5: THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ CHUYỂN GIAO PHẦN MỀM CÙNG CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO**

Địa điểm giao hàng được thực hiện tại địa chỉ của **Người dùng cuối (End-user)**; Thời gian giao hàng: Ngày Bên B bàn giao sản phẩm và có biên bản nghiệm thu được Bên A xác nhận.

Bên B bắt đầu thực hiện các nội dung công việc trong hợp đồng kể từ khi nhận được tạm ứng đợt 1.

Kế hoạch thực hiện sẽ được thành lập và điều chỉnh cụ thể bởi người quản trị dự án Bên B và thống nhất với Ban quản trị dự án của **Người dùng cuối (End-user)** trong quá trình thực hiện hợp đồng.

1. Thời gian thực hiện hợp đồng là 1 năm kể từ ngày bên B nhận được khoản tạm ứng từ bên A.
2. Chuyển giao phần mềm và các tài liệu kèm theo:
  - (i) Bên A và Bên B đồng ý rằng, việc thực hiện Hợp đồng của Bên B được coi là hoàn thành khi:
    - Toàn bộ nội dung công việc quy định tại Hợp đồng đã được Bên B thực hiện đầy đủ;
    - Toàn bộ công việc và tài liệu được liệt kê tại mục (ii) Điều này đã được hoàn thành và bàn giao cho Bên A.
  - (ii) Bên B sẽ bàn giao cho Bên A các công việc mà Bên B đã thực hiện như sau:
    - Cài đặt và đưa vào vận hành hệ thống phần mềm tại địa điểm **Người dùng cuối (End-user)** mà Bên A yêu cầu trên cơ sở tuân thủ các quy định tại Hợp đồng này;
    - Hướng dẫn, đào tạo cán bộ/nhân viên của **Người dùng cuối (End-user)** nắm vững, sử dụng thành thạo các chương trình của phần mềm;
    - Bàn giao toàn bộ các tài liệu sau cho Bên A:
      - a) Bộ chương trình cài đặt phần mềm;
      - b) Các tài liệu hướng dẫn sử dụng.

## **Điều 6: BẢO MẬT THÔNG TIN**

1. Hai bên phải bảo mật các thông tin được cung cấp, và không được tiết lộ hay sử dụng các thông tin này cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài phạm vi của Hợp đồng.

2. Với mục đích của Hợp đồng này, “Thông tin mật” bao gồm tất cả các thông tin hay tài liệu có hoặc có thể có giá trị thương mại hoặc hữu ích trong hoạt động kinh doanh của hai bên. Thông tin hoặc tài liệu có thể bao gồm, nhưng không giới hạn, các thông tin về tài chính, ngân sách của dự án hoặc doanh nghiệp, kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường, việc xây dựng và triển khai dự án, thông số kỹ thuật, các thiết kế, kế hoạch, bản vẽ, phần mềm, vật mẫu và/hoặc thông tin kỹ thuật, và tất cả các bản sao, các bản phát sinh có chứa thông tin tương tự và các dịch vụ khác có liên quan hoặc thông tin bổ sung khác. Thông tin mật cũng bao gồm sở hữu trí tuệ.

3. Điều khoản này vẫn tiếp tục có hiệu lực ngay cả khi Hợp đồng này chấm dứt.

## **Điều 7: BẢN QUYỀN**

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến sản phẩm phần mềm mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

## **Điều 8: PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

1. Trường hợp Bên A thanh toán không đúng hạn như quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này, Bên A sẽ phải trả cho Bên B mức phạt tương ứng với 1% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm tính cho mười ngày chậm đầu tiên và 0,5% cho mỗi ngày chậm tiếp theo cho đến khi nội dung công việc trong hợp đồng được thực hiện nhưng mức phạt tối đa không quá 8% tổng giá trị hợp đồng. Đồng thời bồi thường cho Bên B những thiệt hại thực tế và trực tiếp phát sinh. Bên B có quyền cộng dồn khoản phạt và bồi thường thiệt hại vào nghĩa vụ thanh toán của Bên A cho Bên B. Cụ thể, được thực hiện theo nội dung đề nghị thanh toán của Bên B gửi Bên A.

2. Nếu Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được bên A gia hạn thì bên A có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường thiệt hại hoặc một khoản tiền phạt tương ứng với 1% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm tính cho mười ngày chậm đầu tiên và 0,5% cho mỗi ngày chậm tiếp theo cho đến khi nội dung công việc trong hợp đồng được thực hiện nhưng mức phạt tối đa không quá 8% tổng giá trị hợp đồng. Đồng thời bồi thường cho Bên A những thiệt hại thực tế và trực tiếp phát sinh.

3. Khi mức phạt đạt đến tối đa 8% giá trị Hợp đồng, một trong các Bên có quyền xem xét chấm dứt Hợp đồng theo quy định của Hợp đồng và/hoặc khởi kiện để giải quyết vụ việc tại Cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc giải quyết tranh chấp (bao gồm nhưng không giới hạn: Chi phí Luật sư, chi phí với các Cơ quan tài phán theo quy định..) phát sinh do bên thua kiện chi trả.

4. Nếu một bên đơn phương chấm dứt/hủy Hợp đồng này mà không thuộc những điều

khoản cho phép đơn phương chấm dứt/hủy Hợp đồng thì phải chịu phạt 5% tổng giá trị phần nghĩa vụ vi phạm đồng thời phải bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại thực tế theo quy định của Bộ luật dân sự 2015 cho bên bị vi phạm.

#### **Điều 9. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG**

1. “Sự kiện Bất khả kháng” là các sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được làm ảnh hưởng tới việc thực hiện Hợp đồng mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép của mỗi Bên hoặc Các Bên. Sự kiện Bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn thiên tai, hoả hoạn, lũ lụt, động đất, tai nạn, thảm họa, dịch bệnh, thực hiện quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà Các Bên không thể biết trước được vào thời điểm giao kết và thực hiện Hợp đồng, hệ thống thiết bị của mỗi Bên hoặc Các Bên gặp sự cố kỹ thuật trong quá trình vận hành khai thác và các Sự kiện Bất khả kháng khác.

2. Trường hợp một Bên không thể thực hiện các nghĩa vụ của mình do Sự kiện Bất khả kháng (“Bên bị ảnh hưởng”), Bên bị ảnh hưởng sẽ ngay lập tức thông báo cho Bên còn lại (“Bên không bị ảnh hưởng”) bằng văn bản về Sự kiện Bất khả kháng chậm nhất trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày xảy ra Sự kiện Bất Khả kháng và thường xuyên thông báo về quá trình khắc phục, giải quyết Sự kiện Bất khả kháng.

3. Bên không thực hiện được nghĩa vụ sẽ gửi thông báo bằng thư bảo đảm và/ hoặc email cho Bên kia các bằng chứng về việc xảy ra Sự kiện Bất khả kháng, khoảng thời gian xảy ra Sự kiện Bất khả kháng và những hậu quả có thể xảy ra liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng.

4. Bên bị ảnh hưởng có trách nhiệm thực hiện mọi nỗ lực và các biện pháp cần thiết để giảm thiểu ảnh hưởng của Sự kiện Bất khả kháng đối với việc thực hiện nghĩa vụ của mình.

5. Khi Sự kiện Bất khả kháng xảy ra thì nghĩa vụ của Các Bên theo Hợp đồng tạm thời không thể thực hiện được sẽ không được xem là hành vi vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng này và sẽ ngay lập tức phục hồi các nghĩa vụ của mình khi Sự kiện bất khả kháng chấm dứt hoặc bị loại bỏ.

#### **Điều 10: HÌNH THỨC HỢP ĐỒNG**

Hợp đồng trọn gói.

#### **Điều 11: BẢO HÀNH**

1. Bên B có trách nhiệm bảo hành miễn phí 12 tháng sau nghiệm thu hợp đồng. Bên B phải nộp cho bên A bảo lãnh bảo hành có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày phát hành do ngân hàng hợp pháp tại Việt Nam phát hành có giá trị 3% tổng giá trị hàng hóa được nghiệm thu.
2. Địa điểm bảo hành: Trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch - Địa chỉ: Số 2 Dương Quang Trung, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Bên B thực hiện bảo hành bằng nhiều hình thức, tùy theo mức độ phức tạp của tình

huống phát sinh cần phải bảo hành, bao gồm: chỉnh sửa tại chỗ, trực tuyến hoặc hướng dẫn chỉnh sửa qua điện thoại, email không muộn hơn 24 giờ kể từ khi được thông báo của bên A hoặc của Khách hàng. Trong trường hợp không khắc phục được sự cố bằng các hình thức trên, Bên B có trách nhiệm cử cán bộ kỹ thuật đến trực tiếp tại hiện trường để xử lý trong vòng 72 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Bên A hoặc của Khách hàng.

Nội dung bảo hành:

- Kết hợp cả các phương pháp bảo hành tại chỗ, trực tuyến, hướng dẫn qua điện thoại, email ..., bảo đảm phần mềm chạy ổn định. **Người dùng cuối (End-user)** tạo điều kiện cho Bên B có quyền quy cập từ xa (remote access) vào các máy chủ ứng dụng của Người dùng cuối (End-user) và Bên B chủ yếu sẽ sử dụng hình thức bảo hành trực tuyến cho phần mềm;
- Tư vấn, giải đáp thắc mắc sử dụng chương trình;
- Sửa lỗi kỹ thuật của phần mềm (nếu có) và cung cấp bản cài đặt mới.

Đầu mỗi tiếp nhận yêu cầu xử lý sự cố kỹ thuật, bảo hành, bảo trì của Bên B:

• **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ ĐÔNG NAM Á**

Địa chỉ: Số 5 ngách 1/2 Trần Quốc Hoàn, tổ 11, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Phòng kỹ thuật bảo hành:
  - Email: [Ktbh@dongnamajsc.vn](mailto:Ktbh@dongnamajsc.vn)
  - SĐT: 0981675335

4. Phạm vi bảo hành: Bên B không bảo hành sản phẩm trong trường hợp sau:

- Lỗi do hệ thống cơ sở hạ tầng
- Lỗi do hoạt động của các phần mềm do bên thứ ba cung cấp
- Lỗi bảo mật do hệ thống gây ra, hoặc do sự phá hoại có chủ ý từ phía người sử dụng
- Sự cố do việc tự ý điều chỉnh sản phẩm, can thiệp trực tiếp vào CSDL của phần mềm mà không thông báo cho bên B hoặc hãng sản xuất.

5. Sau thời gian bảo hành 12 tháng, nếu có yêu cầu của End-user, Bên B có quyền ký hợp đồng bảo trì trực tiếp với khách hàng mà không cần sự đồng ý của Bên A .

**Điều 12: TRANH CHẤP VÀ PHÂN XỬ**

Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trường hợp có khó khăn hoặc sự cố khách quan ảnh hưởng tới việc thực hiện hợp đồng thì hai bên sẽ phải thông báo cho nhau bằng văn bản và cùng nhau bàn bạc, giải quyết. Mọi tranh chấp liên quan đến hợp đồng trước tiên được giải quyết trên cơ sở hòa giải.

Trường hợp một trong hai bên vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho bên kia thì phải có

trách nhiệm bồi hoàn thiệt hại đã gây ra trên cơ sở các văn bản pháp luật do Nhà nước Việt Nam ban hành.

Trong trường hợp không giải quyết được những bất đồng, tranh chấp thì vụ việc sẽ được đưa ra tòa án kinh tế, Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết. Quyết định của tòa án là quyết định cuối cùng, mọi chi phí phát sinh đến quá trình giải quyết tranh chấp do bên thua gánh chịu.

### **Điều 13: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và Bên B nhận được khoản tiền tạm ứng theo quy định của Hợp đồng này.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.
3. Bất kỳ sự chỉnh sửa hoặc bổ sung nào trong Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được lập thành văn bản (phụ lục Hợp đồng) và ký kết bởi cả Hai Bên, các phụ lục Hợp đồng này là phần không thể tách rời của Hợp đồng.
4. Hợp đồng này kèm phụ lục, được lập thành thành 06 (sáu) bộ, Bên A giữ 04 bộ, bên B giữ 02 bộ, mỗi bộ có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

Giám đốc



**Phạm Mạnh Tuấn**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

Giám đốc



**Trần Duy Tuấn**

*Handwritten mark*